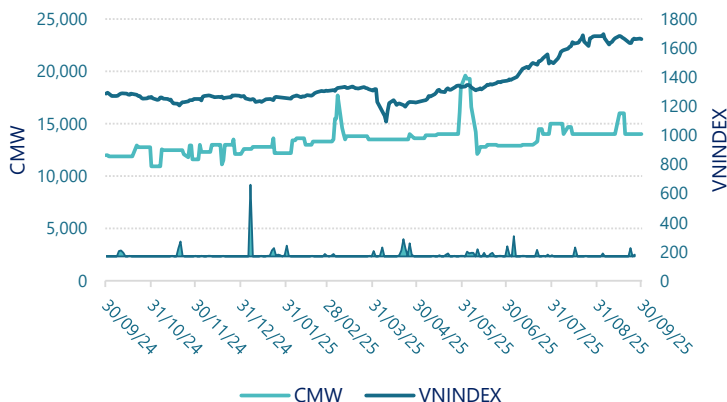




CTCP Cấp nước Cà Mau (UPCOM: CMW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,929
SL cổ phiếu LH	15,534,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	217
P/E	13.8
EPS	1,015

DT thuần

Q3/25

37.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.70 | -6.7%

YoY: ▲5.40 | 16.9%

LN sau thuế

Q3/25

2.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.34 | -56.0%

YoY: ▼0.48 | -15.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.0%

+/- YoY: ▼3.2%

DT thuần

9T 2025

115

tỷ VNĐ

YoY: ▲11.0 | 11.2%

LN sau thuế

9T 2025

14.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲1.50 | 12.2%

ROE

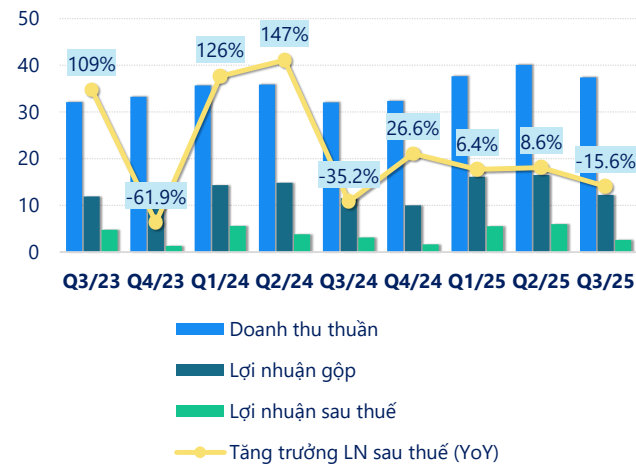
Q3/25

9.1%

+/- YoY: ▲0.9%

tỷ VNĐ

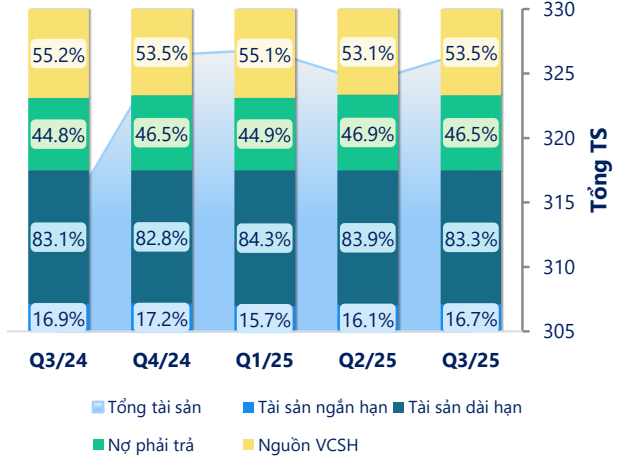
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

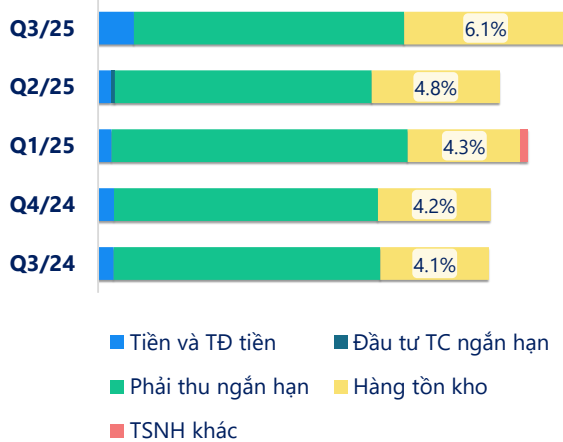
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



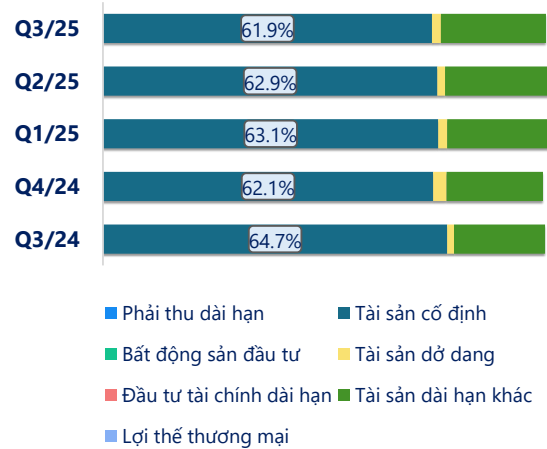
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

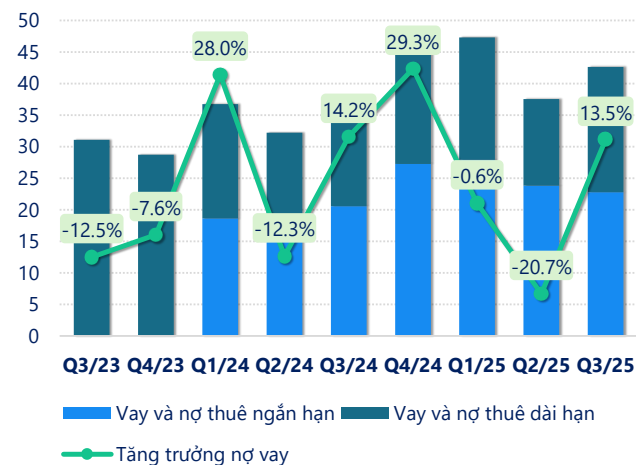
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

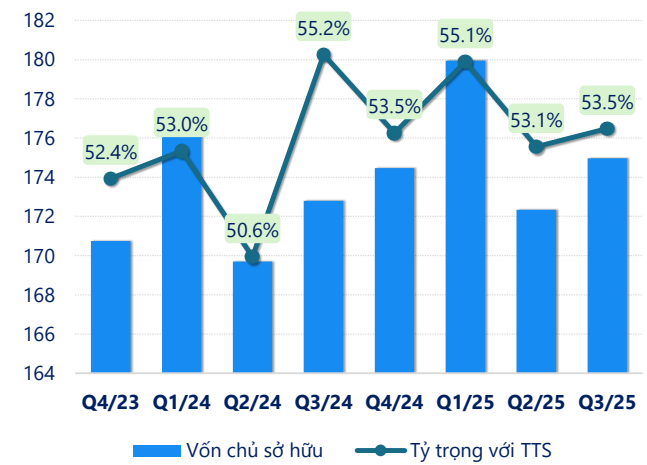
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

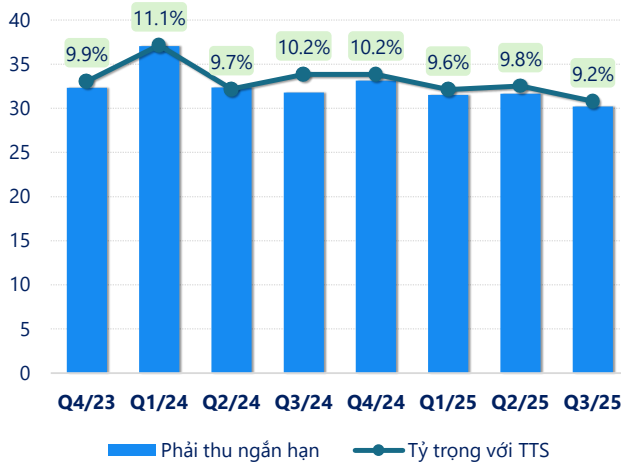
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



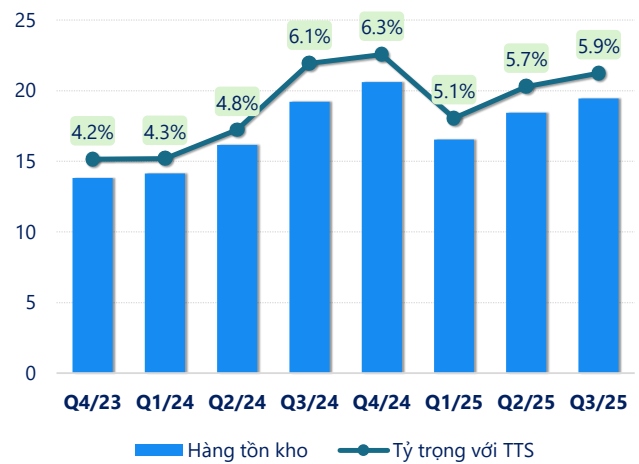
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


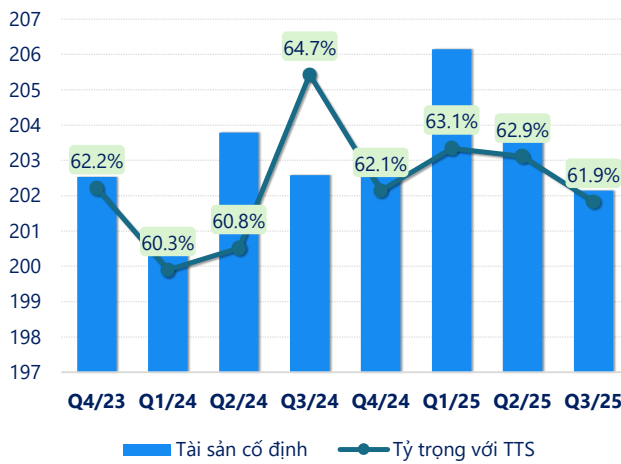
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


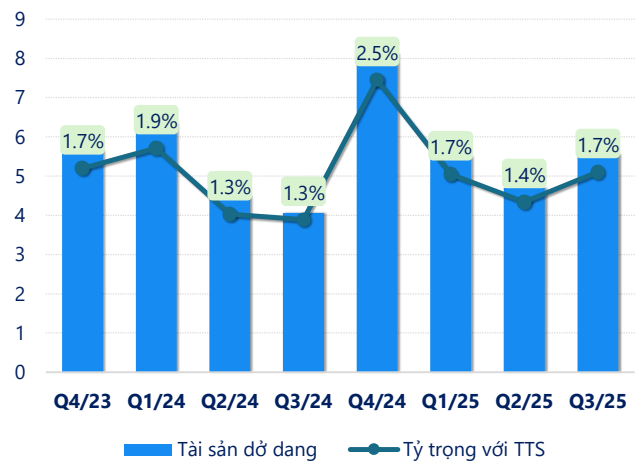
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

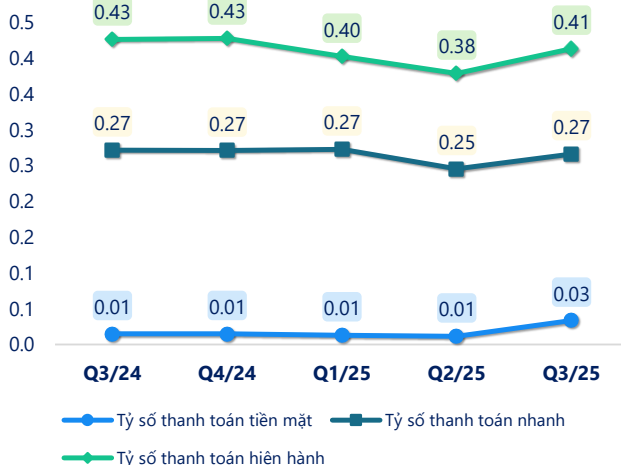
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

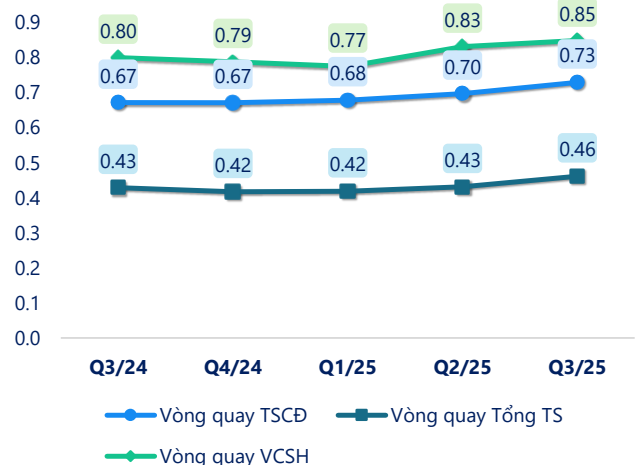
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	313	326	327	324	327
Tài sản ngắn hạn	52.8	56.3	51.3	52.4	54.6
Tiền và tương đương tiền	1.84	1.96	1.66	1.58	4.42
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.50	0.50	0.50
Phải thu ngắn hạn	31.8	33.1	31.5	31.6	30.2
Hàng tồn kho	19.2	20.6	16.5	18.4	19.4
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.57	1.09	0.21	0
Tài sản dài hạn	260	270	276	272	272
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	203	203	206	204	202
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.06	8.11	5.50	4.69	5.56
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	53.4	59.3	63.9	63.3	64.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	140	152	147	152	152
Nợ ngắn hạn	124	132	127	138	132
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.6	27.3	27.9	23.8	22.8
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	15.5	12.6	11.1	0.47
Nợ dài hạn	16.2	20.3	19.4	13.7	19.9
Vay và nợ thuê dài hạn	16.2	20.3	19.4	13.7	19.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	173	174	180	172	175
Vốn chủ sở hữu	173	174	180	172	175
Vốn điều lệ	155	155	155	155	155
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)